

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ VÀ CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Điện thoại: (053) 3 555869 / 3 554133

Fax: (053) 3 852062

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666 Fax: (04) 3.944.8071

Quảng Trị, tháng 11 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I:	CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II:	CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	5
I.	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN.....	5
II.	ĐƠN VỊ CHÀO BÁN	5
III.	ĐƠN VỊ TƯ VẤN.....	5
PHẦN III:	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN IV:	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	6
I.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	6
1.	Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	6
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	7
3.	Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	8
4.	Ngành nghề kinh doanh chính và địa bàn hoạt động.....	8
5.	Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị trước cổ phần hóa.	8
6.	Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần	9
7.	Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	12
8.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	13
9.	Danh sách công ty mẹ và công ty con	24
10.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	25
11.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	31
II.	PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	32
1.	Mục tiêu cổ phần hóa	32
2.	Điều kiện cổ phần hóa	32
3.	Hình thức cổ phần hóa.....	33
4.	Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.....	33
5.	Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	34
6.	Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	34
7.	Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa	35
III.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	35

1. Mục tiêu phát triển sản xuất	36
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2018.....	36
3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020	37
4. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.....	38
5. Biện pháp thực hiện.....	39
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	41
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	41
1. Rủi ro về kinh tế	41
2. Rủi ro pháp lý	41
3. Rủi ro đặc thù	42
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	42
5. Rủi ro khác	42
II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	43
1. Đối tượng mua cổ phần	43
2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ.....	43
3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động.....	43
4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	44
5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	44
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA.....	44
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	45
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty.....	45
2. Đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị	45
3. Đại diện Tổ chức tư vấn	46
V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ... 46	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.....	10
Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần.....	11
Bảng số 3: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014	12
Bảng số 4: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm hiện tại	13
Bảng số 5: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2014.....	21
Bảng số 6: Thống kê máy móc thiết bị tại thời điểm 31/12/2014	22
Bảng số 7: Thống kê các phương tiện vận tải tính đến thời điểm 31/12/2014.....	23
Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 31/12/2014	24
Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2012 đến 30/06/2015	25
Bảng số 10: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của công ty	26
Bảng số 11: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay	28
Bảng số 12: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/06/2015	29
Bảng số 13: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/06/2015	29
Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	30
Bảng số 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	33
Bảng số 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016 -2018	36
Bảng số 18: Phương án tài chính sau cổ phần hóa.....	39
Bảng số 19: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa	44

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị	9
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa	35

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí, phân loại doanh nghiệp Nhà nước;
- Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý năm 2014, 2015;
- Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên cấp nước và Xây dựng Quảng Trị;
- Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị;
- Quyết định số 911/QĐ-BCĐCPH ngày 13/5/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị;
- Quyết định số 562/QĐ-BCĐCPH ngày 27/3/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị về việc bổ sung thành viên tổ giúp việc

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị;

– Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc xác định Giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014 để cổ phần hóa.

– **Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015** của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thành công ty cổ phần.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3941 2626
- Fax: (84-4) 3934 7818

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

- Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Điện thoại: (053) 3 555869 / 3 554133
- Fax: (053) 3 852062

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.

4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.

5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP:	Công ty cổ phần.
Công ty TNHH MTV:	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT:	Hội đồng quản trị.
BKS:	Ban kiểm soát.
GĐ:	Giám đốc.
BGD:	Ban Giám đốc.
KTT:	Kế toán trưởng.
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên.
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động.
TSCĐ:	Tài sản cố định.
TSLĐ:	Tài sản lưu động.
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán.
UBCKNN:	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân.
BHXH:	Bảo hiểm xã hội.
CP:	Cổ phần.
CPH:	Cổ phần hóa.
DN:	Doanh nghiệp.
DNNN:	Doanh nghiệp Nhà nước.
NM:	Nhà máy.
XN:	Xí nghiệp
CN:	Chi nhánh
HĐKD:	Hoạt động kinh doanh.
CNKT:	Công nhân kỹ thuật.
QL:	Quản lý.
TP:	Thành phố.
HĐTV:	Hội đồng thành viên
GTDN:	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ.
- Tên giao dịch tiếng Anh: QUANG TRI WATER SUPPLY AND CONSTRUCTION ONE MEMBER LIMITED COMPANY;
- Tên viết tắt tiếng Anh: QTWASUCO.CO, LTD

- Trụ sở chính tại: Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại: (053) 3 555869 / 3 554133
- Fax: (053) 3 852062
- Email: capnuocquangtri@yahoo.com.vn
- Website: www.capnuocquangtri.vn
- Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp: **50.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*).
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 19/11/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 14/10/2013.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tiền thân Xí nghiệp nước Đông Hà, được thành lập ngày 14/7/1977 chịu sự lãnh đạo trực tiếp của UBND tỉnh và sở Xây Dựng Quảng Trị, chính thức được chuyển đổi sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/6/2007. Quá trình phát triển của Công ty như sau:

- Trước năm 1972: Thị xã Đông Hà là địa bàn phục vụ chủ yếu cho chiến tranh xâm lược của Mỹ và Ngụy quyền Sài Gòn. Cơ sở hạ tầng không chú trọng đầu tư, không có Nhà máy nước, nhân dân tự đào giếng để sinh hoạt. Đông Hà - Quảng Trị được giải phóng năm 1972 và Miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, là mảnh đất bị bom đạn tàn phá hầu hết các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng. Tháng 5/1976 hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên, tháng 11/1976 UBND tỉnh Bình Trị Thiên phê duyệt dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Hà với tổng mức đầu tư năm 1977: 564.323 đồng, năm 1978: 682.091 đồng và năm 1979: 894.822 đồng. Công suất thiết kế 7.000 m³/ngày-đêm. Để quản lý đầu tư xây dựng, UBND tỉnh Bình Trị Thiên đã có quyết định số 780 QĐ/UB ngày 12/3/1977 về việc thành lập Ban kiến thiết Xí nghiệp nước Đông Hà, ngày 14/7/1977 khánh thành Nhà máy và đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, trong thời kỳ này sản lượng thực tế sản xuất đạt 14.000 m³ /năm, năm 1978 là 210.000 m³ /năm, lực lượng quản lý và công nhân kỹ thuật chỉ có 15 người, trong đó có 01 Kỹ sư Cấp nước, 01 Trung cấp Kế toán số còn lại là trưởng thành trong chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau 10 năm đi vào hoạt động số Lao động tăng lên 71 người, sản lượng sản xuất đạt 540.000 m³/năm, nhiệm vụ chủ yếu là cấp nước chưa qua xử lý phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn Thị xã Đông Hà.

- Năm 1989: Tỉnh Quảng Trị được lập lại sau khi chia tách tỉnh Bình Trị Thiên (tháng 7/1989), Xí nghiệp nước Đông Hà trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Sở Xây Dựng Quảng Trị.

- Năm 1990: Xí nghiệp nước Đông Hà được UBND tỉnh, Sở Xây Dựng phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng nâng cấp bằng nguồn vốn ngân sách nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước sạch của nhân dân thị xã Đông Hà. Sau gần 15 năm đưa vào sử dụng, khai thác vận hành cấp nước, tháng 5/1991 chính thức cung cấp nước sạch cho nhân dân bằng công nghệ xử lý hoá chất tại khu xử lý trạm bơm cấp II - Đông Hà, đây là một sự phấn đấu nỗ lực của CBCNV trong toàn Xí nghiệp.

- Ngày 28/11/1992, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 742 QĐ/UB chuyển Xí nghiệp nước Đông Hà thành Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị.

– Tuy gặp nhiều khó khăn do điều kiện của một tỉnh còn nghèo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, thời tiết khắc nghiệt, nhưng tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên nhằm đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ngày càng tăng cả khối lượng và chất lượng.

– Thực hiện Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/6/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Phương án chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Quảng Trị thành Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị, Công ty chính thức đi vào hoạt động theo luật Doanh nghiệp kể từ ngày 19/11/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị cấp.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3200041908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 10 năm 2013, ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xây dựng.
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình dân dụng.
- Xây dựng công trình giao thông.
- Xây dựng công trình công nghiệp.
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.
- Sản xuất các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước.

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động

Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xây dựng.

Địa bàn hoạt động

- Các khu vực thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị

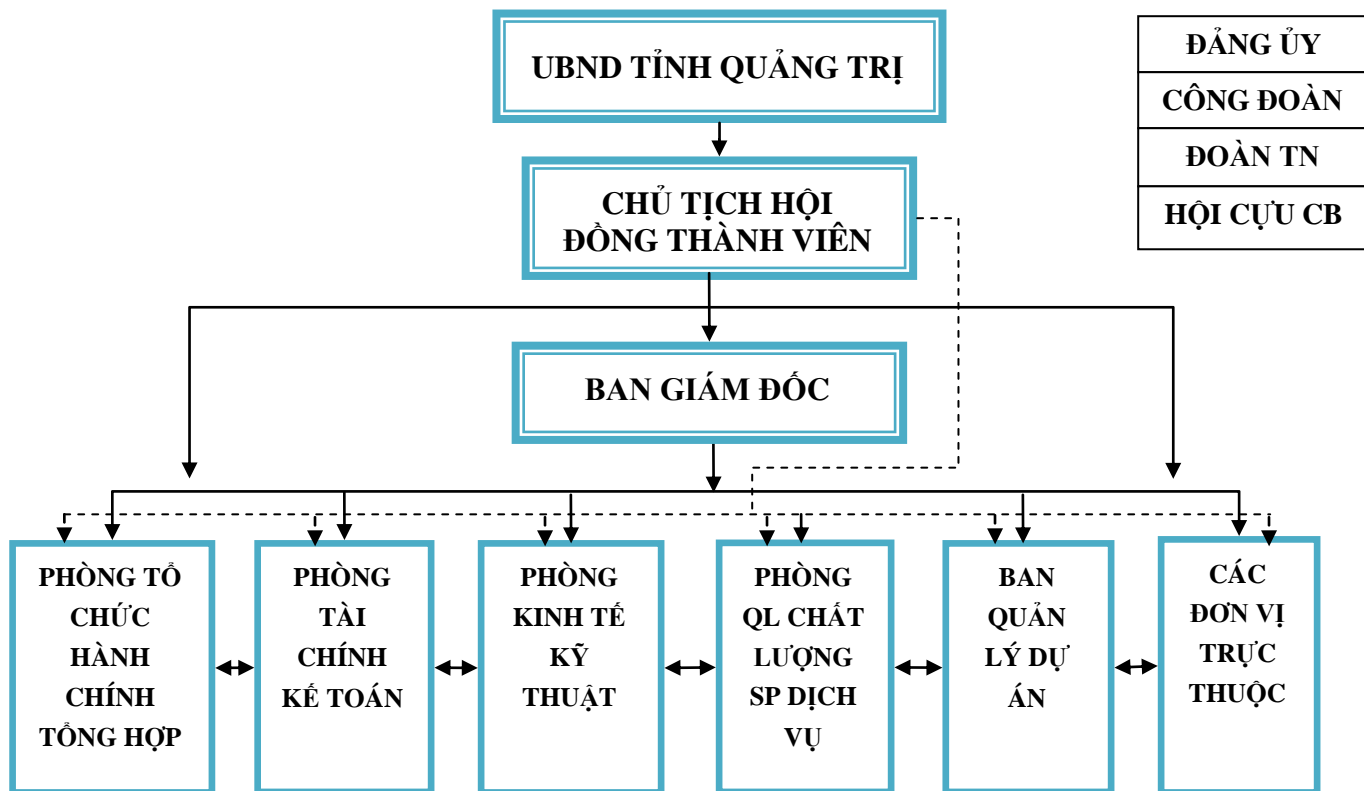
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty TNHH một thành viên, Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên.
- Ban điều hành Công ty gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc

- 04 Phòng ban Chức năng, 01 Ban quản lý dự án và 10 Xí nghiệp trực thuộc.

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị



Chủ sở hữu Công ty – UBND tỉnh Quảng Trị: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Chủ tịch Hội đồng thành viên: là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;
- Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
- Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Kiểm soát viên:

– Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

– Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

– Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

✚ **Giám đốc Công ty:** là người điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch và Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Công ty; và theo đúng chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty đảm bảo thông suốt, hiệu quả, an toàn, tiết kiệm và phát triển bền vững.

✚ **Phó Giám đốc:** là người giúp việc cho Giám đốc Công ty, do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Giám đốc

✚ **Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp:** Có chức năng tham mưu tổng hợp, quản trị hành chính, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, phục vụ sự quản lý tập trung thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành mọi mặt công tác của Công ty, giúp việc trực tiếp cho Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc.

✚ **Phòng Tài chính kế toán:** Có chức năng tham mưu trực tiếp cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong Công tác quản lý tài chính và nghiệp vụ kế toán Công ty.

✚ **Phòng Kinh tế Kỹ thuật:** Có chức năng tham mưu và quản lý điều hành công tác SXKD trong toàn Công ty. Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối và các mục tiêu chiến lược của Đảng Ủy, HĐQT, Ban Giám đốc thông qua công tác xây dựng kế hoạch và cân đối các nguồn lực để thực hiện.

✚ **Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ:** Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng nước sạch sản xuất theo tiêu chuẩn, lấy mẫu xác định chất lượng nước thô đưa vào xử lý để có biện pháp xử lý.....

✚ **Ban Quản lý dự án:** Có chức năng tham mưu, quản lý điều hành công tác đầu tư xây dựng các công trình từ các nguồn vốn của Công ty và nguồn vốn khác do Công ty tổ chức thực hiện. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty.

✚ **Các đơn vị trực thuộc (10 Xí nghiệp):** Hạch toán phụ thuộc Công ty, hoạt động theo sự phân cấp và ủy quyền của Công ty. Có con dấu riêng theo quy định của Pháp luật.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cơ cấu lao động tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp và dự kiến chuyển sang Công ty cổ phần cụ thể như sau:

Bảng số 1: Danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Tổng số người
I	Phân theo Hợp đồng lao động	312
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	05
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	306
3	Lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	01
II	Phân theo trình độ	312

1	Đại học	90
2	Cao đẳng	12
3	Trung cấp	55
4	Sơ cấp	11
5	Công nhân kỹ thuật nghề	120
6	Lao động chưa qua đào tạo	24
III	Phân theo Giới tính	312
1	Lao động nam	210
2	Lao động nữ	102

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

Người lao động của Công ty có trình độ chuyên môn, năng lực công tác, có tinh thần trách nhiệm, gắn bó với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, độ ngũ lao động còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, tinh thần, thái độ lao động chưa cao.

Lao động lớn tuổi chiếm 25,32%, thiếu đào tạo cơ bản, sức khỏe hạn chế.

Cơ cấu lao động chưa tinh gọn, lao động gián tiếp khá cao, một số vị trí chưa đáp ứng yêu cầu công việc được giao hoặc trình độ chuyên môn không phù hợp với công việc đảm nhận.

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động, chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, xí nghiệp trực thuộc, Công ty dự kiến nhu cầu sử dụng lao động tại Công ty cổ phần là **277** người, cụ thể như sau:

Bảng số 2: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	277	100
- Đại học	75	27,08
- Cao đẳng	13	4,69
- Trung cấp	36	13,00
- Sơ cấp	02	0,72
- Công nhân kỹ thuật, nghề	143	51,62
- Lao động chưa qua đào tạo	08	2,89
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	277	100
- Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	06	2,17
- Hợp đồng không thời hạn	271	97,83
- Hợp đồng từ 1-3 năm	00	00

3. Phân theo giới tính	277	100
- Nam	183	66,06
- Nữ	94	33,94

(Nguồn: phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014 để cổ phần hóa. Giá trị Doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp theo sổ sách kế toán: **217.173.114.947** đồng
- Giá trị thực tế của doanh nghiệp xác định lại: **261.652.309.055** đồng

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp:

- Giá trị thực tế vốn nhà nước theo sổ sách kế toán: **135.113.083.400** đồng
- Giá trị thực tế vốn nhà nước xác định lại: **179.592.277.508** đồng

Bảng số 3: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	217.173.114.947	261.652.309.055	44.479.194.108
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	157.717.069.874	201.540.089.153	43.823.019.279
1. Tài sản cố định hữu hình	157.170.178.974	200.500.448.253	43.330.269.279
- Nguyên giá	237.498.592.603	369.541.739.160	132.043.146.557
- Khấu hao lũy kế	80.328.413.629	169.041.290.907	88.712.877.278
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	377.570.354	377.570.354	-
3. Chi phí trả trước dài hạn	169.320.546	662.070.546	492.750.000
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	59.456.045.073	59.641.385.538	185.340.465
1. Tiền	21.468.620.050	21.468.619.364	(686)
- Tiền mặt tồn quỹ	82.111.986	82.111.300	(686)
- Tiền gửi Ngân hàng	5.050.671.152	5.050.671.152	-
- Các khoản tương đương tiền	16.335.836.912	16.335.836.912	-
2. Các khoản phải thu	11.709.496.487	11.709.496.487	-
4. Vật tư, hàng hóa tồn kho	25.176.403.969	25.361.745.120	185.341.151
5. Tài sản lưu động khác	1.101.524.567	1.101.524.567	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của	-	447.834.364 (*)	447.834.364

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
Doanh nghiệp			
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	23.000.000	23.000.000
B. Tài sản chờ bàn giao, tài sản không cần dùng	4.680.364.511	4.680.364.511	-
1. Tài sản cố định hữu hình	4.672.553.455	4.672.553.455	-
2. Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	7.811.056	7.811.056	-
C. Tài sản chờ thanh lý	3.057.529.700	3.057.529.700	-
1. Tài sản cố định hữu hình	3.057.529.700	3.057.529.700	-
D.TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C)	224.911.009.158	269.390.203.266	44.479.194.108
E.TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	217.173.114.947	261.652.309.055	44.479.194.108
F. Nợ thực tế phải trả	82.060.031.547	82.060.031.547	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (E-F)	135.113.083.400	179.592.277.508	44.479.194.108

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

(*) Giá trị thương hiệu của Công ty được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 05 năm. Công ty thực hiện giới thiệu các hoạt động, sản phẩm cung cấp tới các khách hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty sau khi xác định theo phương pháp xác định giá trị thương hiệu là **447.834.364** đồng.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình đất đai

Bảng số 4: Thống kê đất đai của Công ty tính đến thời điểm hiện tại

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
I	Tại Đông Hà								
1	Văn phòng Công ty	1.201	Phường 1 - Tp Đông Hà	1005/QĐ-UBND ngày 05/6/2006	AD 213996	108 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 15/10/2043	Xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng phòng giao dịch khách hàng sử dụng nước sạch khu vực Đông Hà và vùng phụ cận
2	Kho vật tư	2.534	Phường Đông Lễ - Tp Đông Hà	1009/QĐ-UBND ngày 05/6/2006	AD 213999	109 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 5/6/2056	Chứa vật tư phục vụ SX kinh doanh	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Chứa vật tư phục vụ SX kinh doanh
3	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	10.010	Phường Đông Lương - Tp Đông Hà	1008/QĐ-UBND ngày 05/6/2006	AD 213998	110 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 5/6/2056	Xây dựng công trình thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
4	Nhà điều hành + Khu xử lý	11.820	Phường 3 - Tp Đông Hà	1007/QĐ-UBND ngày 05/6/2006	AD 213997	111 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 5/6/2056	Xây dựng nhà điều hành, nhà máy xử lý nước sạch, phòng hóa nghiệm	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành và khu xử lý nước
II	Tại Lao Bảo								
1	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	1.794	Thị trấn Lao Bảo - Huyện Hướng Hóa	815/QĐ-UBND ngày 12/5/2006	AD 213991	112 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến T9/2049	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
2	Nhà điều hành + Khu xử lý	2.659	Thị trấn Lao Bảo - Huyện Hướng Hóa	814/QĐ-UBND ngày 12/5/2006	AD 213993	113 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến tháng 9/2049	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch
3	Khu bể chứa nước	1.005	Thị trấn Lao Bảo - Huyện Hướng Hóa	813/QĐ-UBND ngày 12/5/2006	AD 213992	114 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến tháng 10/2052)	Xây dựng bể chứa 500m ³	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng bể chứa 500m ³

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m2)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
III	Tại Khe Sanh								
1	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	858	Xã Tân Liên - Huyện Hướng Hóa	2374/QĐ-UB ngày 12/12/2000	BK 326752	50 HĐ/TĐ ngày 17/7/2015 đến 12/12/2050	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
2	Nhà điều hành + Khu xử lý	9.724	Thị trấn Khe Sanh - Huyện Hướng Hóa	1572/QĐ-UB ngày 18/9/2000	R 716497	52 HĐ/TĐ ngày 17/7/2015 đến 18/9/2050	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch
IV	Tại ĐakRông								
1	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	360	Thị trấn KrôngKlang - Huyện ĐakRông	2757/QĐ-UB ngày 17/9/2004	BK 326742	49 HĐ/TĐ ngày 17/7/2015 đến 17/9/2054	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
2	Nhà điều hành + Khu xử lý	1.866	Thị trấn KrôngKlang - Huyện ĐakRông	2757/QĐ-UB ngày 17/9/2004	BI 824787	51 HĐ/TĐ ngày 17/7/2015 đến 17/9/2054	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành và nhà máy xử lý nước sạch
V	Tại Cam Lộ								
1	Nhà điều hành	1.600	Thị trấn Cam Lộ - Huyện Cam Lộ	1128/QĐ-UB ngày 28/4/2004	Y 664197	115HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 28/4/2054	Xây dựng nhà điều hành	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành
2	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	1.600	Thị trấn Cam Lộ - Huyện Cam Lộ	1129/QĐ-UB ngày 28/4/2004	Y 664195	161HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 28/4/2054	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
3	Khu xử lý nước	6.789	Thị trấn Cam Lộ - Huyện Cam Lộ	1127/QĐ-UB ngày 28/4/2004	Y 664196	153HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 28/4/2054	Xây dựng nhà máy xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy xử lý nước

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
4	Trạm tăng áp Sông	12.987	Xã Cam An - Huyện Cam Lộ	1289/QĐ-UB ngày 31/10/1998	BI 835518	53 HĐ/TĐ ngày 22/7/2015 đến 31/10/2048	Xây dựng trạm bơm tăng áp, khu nhà làm việc, phòng kiểm định	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm tăng áp, khu nhà làm việc, phòng kiểm định
VI	Tại Bến Quan								
1	Nhà điều hành	1.195	Thị trấn Bến Quan - Huyện Vĩnh Linh	2925/QĐ-UB ngày 11/12/2003	X 604596	116 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 11/12/2053	Xây dựng nhà điều hành	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành
2	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	3.200	Thị trấn Bến Quan - Huyện Vĩnh Linh	2926/QĐ-UB ngày 11/12/2003	X 604392	160 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 11/12/2053	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
3	Khu xử lý nước	1.600	Thị trấn Bến Quan - Huyện Vĩnh Linh	2926/QĐ-UB ngày 11/12/2003	X 552904	159 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 11/12/2053	Xây dựng khu xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng khu xử lý nước
VII	Tại Hồ Xá								
1	Nhà điều hành	1.084	Thị trấn Hồ Xá - Huyện Vĩnh Linh	670/QĐ-UB ngày 16/4/2003	W 584150	117 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 16/4/2053	Xây dựng nhà điều hành	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành
2	Trạm bơm Mội Voi	1.299	Thị trấn Hồ Xá - Huyện Vĩnh Linh	1010/QĐ-UBND ngày 05/6/2006	AD 214000	87 HĐ/TĐ ngày 17/9/2015 đến 5/6/2056	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
3	Giếng 1D Hồ Xá	100	Thị trấn Hồ Xá - Huyện Vĩnh Linh	1479/QĐ-UB ngày 13/9/1999	O 837830	155 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 13/9/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
4	Giếng 2D Hồ Xá	100	Xã Vĩnh Nam - Huyện Vĩnh Linh	1481/QĐ-UB ngày 13/9/1999	O 837831	156HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 13/9/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
5	Giếng 3D Hồ Xá	100	Xã Vĩnh Nam - Huyện Vĩnh Linh	1477/QĐ-UB ngày 13/9/1999	O 837829	157HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 13/9/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
6	Khu xử lý + Trạm tăng áp	1.064	Thị trấn Hồ Xá - Huyện Vĩnh Linh	2125/QĐ-UB ngày 04/9/2001	BK 362704	141HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 10/10/2063	Xây dựng nhà máy xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà máy xử lý nước
VIII	Tại Gio Linh								
1	Nhà điều hành + Khu xử lý	3.783	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	717/QĐ-UB ngày 14/7/1998	C 935813	146HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến T12/2048	Xây dựng nhà điều hành, nhà máy xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành, nhà máy xử lý nước
2	Giếng G1	3.247	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	1527/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837834	148HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/9/2019	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
3	Giếng G2	3.665	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	710/QĐ-UB ngày 19/5/2000	O 837832	150HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 19/5/2050	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
4	Giếng G3	4.099	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	1525/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837833	149HD/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/9/2019	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m2)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
5	Giếng G4	3.637	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1521/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837835	152HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/9/2019	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
6	Giếng G5	3.620	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	1523/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837836	151HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/9/2019	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
7	Giếng G6	3.746	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1519/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837837	88 HĐ/TĐ ngày 17/9/2015 đến 20/09/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
8	Giếng G7	3.697	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1517/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837838	147 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/9/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
9	Giếng G8	3.690	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1515/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837839	143 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/09/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
10	Giếng G9	3.578	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1513/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837840	144 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/09/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
11	Giếng G10	3.655	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	1511/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837841	142 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/09/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I
12	Giếng G11	3.550	Xã Gio Mỹ - Huyện Gio Linh	1529/QĐ-UB ngày 20/9/1999	O 837842	145 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 20/09/2049	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng giếng thu nước và trạm bơm cấp I

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
13	Trạm tăng áp Gio Mai	3.575	Xã Gio Mai - Huyện Gio Linh	74/QĐ-UB ngày 15/01/2009	AO 069874	118 HĐ/TĐ ngày 23/10/2015 đến 15/1/2059	Xây dựng trạm bơm tăng áp	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm tăng áp
14	Trạm tăng áp Đốc Miếu (*)	25	Thị trấn Gio Linh - Huyện Gio Linh	Chuyển nhượng	BB 820282	Sử dụng lâu dài	Xây dựng trạm bơm tăng áp	Tiếp tục nhận giao đất	Xây dựng trạm bơm tăng áp
IX	Tại Hải Lăng								
1	Công trình thu nước + Trạm bơm 1 + Nhà điều hành + Khu xử lý	12.242	Thị trấn Hải Lăng - Huyện Hải Lăng	1872/QĐ-UB ngày 08/8/2001	T 033636	154 HĐ/TĐ ngày 31/12/2013 đến 8/8/2051	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I, nhà điều hành và khu xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I, nhà điều hành và khu xử lý nước
2	Đài điều hòa	853	Thị trấn Hải Lăng - Huyện Hải Lăng	3304/QĐ-UB ngày 24/12/2004	BI 835588	77 HĐ/TĐ ngày 01/09/2015 đến 24/12/2054	Xây dựng đài điều hòa	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng đài điều hòa
X	Tại Thị xã Quảng Trị								
1	Nhà điều hành	1.500	Phường 1 - TX Quảng Trị	2431/QĐ-UB ngày 06/8/2004	Đ 654838	127 HĐ/TĐ ngày 01/10/2004 đến 01/01/2046	Xây dựng nhà điều hành	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà điều hành
2	Công trình thu nước + Trạm bơm 1	2.765	Phường 1 - TX Quảng Trị	2398/QĐ-UB ngày 05/8/2004	Đ 654840	126 HĐ/TĐ ngày 01/10/2004 đến 1/1/2046	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng công trình thu nước trạm bơm cấp I
3	Khu xử lý nước	5.130	Phường 1 - TX Quảng Trị	2399/QĐ-UB ngày 05/8/2004	Đ 654839	125 HĐ/TĐ ngày 01/10/2004 đến 1/1/2046	Xây dựng khu xử lý nước	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng khu xử lý nước
XI	Tại Triệu Phong								

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hồ sơ liên quan			Mục đích sử dụng hiện tại	Hình thức sử dụng sau cổ phần hóa	Mục đích sử dụng sau cổ phần hóa
				QĐ giao đất	Giấy CN QSD đất	Hợp đồng thuê đất			
1	Trạm bơm tăng áp Triệu Phong	772	Thị trấn Ái Tử - Huyện Triệu Phong	469/QĐ-UB ngày 26/5/1995	BI 8353519	41 HĐ/TĐ ngày 22/6/2015 đến 26/5/2045	Xây dựng trạm bơm tăng áp	Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm bơm tăng áp

- Đất thuê của Nhà nước, trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính vào Giá trị doanh nghiệp
- (*) **Trạm tăng áp Đốc Miếu:** Nhận chuyển nhượng lại từ hộ dân để xây dựng trạm tăng áp Đốc Miếu, diện tích 25 m² có thời hạn sử dụng lâu dài. Giá trị QSD đất được xác định để tính vào GTDN để cổ phần hóa là 23.000.000 đồng.

📌 Tài sản cố định

Bảng số 5: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2014

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐANG DÙNG	237.498.592.603	157.170.178.974	369.541.739.160	200.500.448.253
1	Nhà cửa vật kiến trúc	38.303.216.512	28.506.712.348	57.003.543.314	31.954.251.806
2	Máy móc thiết bị sản xuất	4.199.679.302	1.620.611.912	4.822.461.884	1.911.850.740
3	Phương tiện vận tải	194.790.226.790	126.971.627.441	266.190.662.629	148.845.922.666
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	205.469.999	71.227.273	132.549.000	49.589.800
5	TSCĐ nhận bàn giao hệ thống cấp nước Khe Sanh và hệ thống cấp nước Đakrông	-	-	41.392.522.333	17.738.833.241
II	Tài sản chờ bàn giao, tài sản không cần dùng	8.928.501.179	4.672.553.455	8.928.501.179	4.672.553.455
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.400.497.163	1.644.891.576	2.400.497.163	1.644.891.576
2	Máy móc thiết bị	4.260.597.478	2.209.225.624	4.260.597.478	2.209.225.624
3	Phương tiện vận tải	2.267.406.538	818.436.255	2.267.406.538	818.436.255
III	TSCĐ chờ thanh lý	8.025.373.133	3.057.529.700	8.025.373.133	3.057.529.700
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.475.389.828	375.527.069	2.475.389.828	375.527.069
2	Máy móc thiết bị sản xuất	1.719.608.515	518.875.708	1.719.608.515	518.875.708
3	Phương tiện vận tải	3.676.945.704	2.163.126.923	3.676.945.704	2.163.126.923
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	153.429.086	-	153.429.086	-
Tổng cộng		254.452.466.915	164.900.262.129	386.495.613.472	208.230.531.408

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 31/12/2014)

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm nước sạch. Giá trị tài sản cố định chiếm một phần rất lớn trong tổng tài sản của Công ty. Tài sản cố định của Công ty ngoài Nhà máy cấp nước, trụ sở văn phòng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... còn có những tài sản cố định đặc thù như: hệ thống

đường ống truyền dẫn, các công trình ngầm dưới lòng đất,... phần lớn các tài sản này rất khó đánh giá được giá trị còn lại do điều kiện sử dụng.

Bảng số 6: Thống kê máy móc thiết bị tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	GT còn lại
I	Văn phòng Công ty	121.269.093	60.240.398	121.269.093	48.507.637
1	Thiết bị thử áp lực DP4	121.269.093	60.240.398	121.269.093	48.507.637
II	XN cấp nước Thị xã Quảng Trị	284.386.500	61.838.292	428.872.680	128.177.936
1	Điện TB1 ống 50,25	178.378.000	-	322.864.180	64.572.836
2	Đồng hồ tổng trạm bơm Quảng Trị	106.008.500	61.838.292	106.008.500	63.605.100
III	XN cấp nước Lao Bảo	348.499.216	163.501.670	394.026.359	178.963.526
1	Máy bơm nước ở XN Lao Bảo	188.754.855	99.603.925	188.754.855	66.064.199
2	Hệ thống điện xí nghiệp Lao Bảo	159.744.361	63.897.744	205.271.504	112.899.327
IV	XN cấp nước Hồ Xá - Xí Nghiệp Vĩnh Linh	245.794.738	53.851.043	439.952.130	87.990.426
1	Đường dây 0,4KV trạm bơm Mọi Voi	43.114.000	-	78.036.340	15.607.268
2	Điện động lực, chiếu sáng tầng áp	112.929.000	-	204.401.490	40.880.298
3	Hệ thống điện khu xử lý	89.751.738	53.851.043	157.514.300	31.502.860
V	XN cấp nước Khe Sanh	174.603.600	149.384.120	174.603.600	153.263.680
1	Lắp máy bơm tại TB 1- Đakông	135.808.000	122.227.200	135.808.000	122.227.200
2	Máy bơm TB 1- XN Khe sanh	38.795.600	27.156.920	38.795.600	31.036.480
VI	XN Xây lắp và GCKK Đông Hà	1.603.032.523	512.488.423	1.588.489.048	553.508.975
1	Máy kích ống	551.645.647	-	551.645.647	110.329.129
2	Máy thổi khí động cơ 18,5KW rửa lọc	177.954.098	92.440.618	177.954.098	71.181.639
3	Máy nén khí động cơ 1,5KW	39.044.000	19.583.267	39.044.000	15.617.600
4	Máy phát điện	56.243.483	28.209.991	41.100.000	22.605.000
5	Máy đầm bê tông xách tay	31.005.106	15.551.101	31.005.106	12.402.042
6	Máy cắt ống	335.009.549	174.024.987	335.009.549	134.003.820

7	Thiết bị cắt bê tông	36.699.992	17.534.828	37.300.000	14.920.000
8	Máy nén khí bánh lốp	226.914.076	116.896.803	226.914.076	90.765.630
9	Máy phát hàn (Nhật) Hiệu DENYO	148.516.572	48.246.829	148.516.572	81.684.115
VII	XN cấp nước Hải Lăng	123.569.807	49.427.923	158.787.202	87.332.961
1	Hệ thống điện chiếu sáng	123.569.807	49.427.923	158.787.202	87.332.961
VIII	XN KD nước sạch Đông Hà	248.102.295	134.237.533	248.102.295	99.240.918
1	Dàn kiểm định đồng hồ	248.102.295	134.237.533	248.102.295	99.240.918
IX	XN SX nước sạch Đông Hà	732.913.415	263.658.949	821.943.067	284.694.014
1	Điện trạm bơm 2 ĐHà	115.059.952	-	169.138.129	33.827.626
2	Hệ thống cấp điện TB Đông Hà	67.604.400	-	102.555.875	30.766.763
3	Máy bơm rửa lọc 90KW - 1260m ³ /h	510.360.946	243.844.507	510.360.946	204.144.378
4	Máy châm clo	39.888.117	19.814.442	39.888.117	15.955.247
X	XN cấp nước Cam Lộ	91.033.874	49.310.015	127.993.627	83.195.858
1	Phần điện	91.033.874	49.310.015	127.993.627	83.195.858
2	Phần điện động lực, điện chiếu sáng	226.474.241	122.673.547	318.422.783	206.974.809
Tổng cộng		4.199.679.302	1.620.611.912	4.822.461.884	1.911.850.740

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 31/12/2014)

Bảng số 7: Thống kê các phương tiện vận tải tính đến thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Tài sản thuộc Văn phòng Công ty	2.672.417.269	275.879.016	2.851.702.570	971.010.771
2	Tài sản thuộc XN cấp nước Thị xã Quảng Trị	9.434.856.678	5.078.395.539	18.104.607.976	6.795.799.342
3	Tài sản thuộc XN cấp nước Lao Bảo	15.931.717.189	12.538.126.558	22.446.557.528	8.789.413.704
4	Tài sản thuộc XN cấp nước Hồ Xá - Xi Nghiệp Vĩnh Linh	12.082.036.128	9.396.700.758	18.286.217.034	8.477.709.626
5	Tài sản thuộc XN cấp nước Khe Sanh	2.314.210.239	1.864.345.845	4.749.436.951	2.676.140.722
6	Tài sản thuộc XN cấp nước Gio Linh	50.868.160.587	34.334.082.227	63.004.278.366	39.435.780.198

7	Tài sản thuộc XN cấp nước Hải Lăng	12.719.615.699	10.082.265.520	18.039.426.315	10.498.666.860
8	Tài sản thuộc XN KD nước sạch Đông Hà	54.155.915.851	30.933.608.155	75.427.753.857	45.136.517.171
9	Tài sản thuộc XN SX nước sạch Đông Hà	14.815.660.230	5.758.175.059	19.684.095.077	8.819.331.017
10	Tài sản thuộc XN cấp nước Cam Lộ	13.796.932.603	11.623.310.458	16.207.967.508	12.232.794.037
11	Tài sản thuộc XN cấp nước Bến Quan	5.998.704.317	5.086.738.307	7.388.619.447	5.012.759.218
Tổng cộng		194.790.226.790	126.971.627.441	266.190.662.629	148.845.922.666

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 31/12/2014)

Bảng số 8: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	Văn phòng Công ty	1.209.240.766	176.557.561	4.620.805.500	1.836.077.400
2	XN cấp nước Thị xã Quảng Trị	4.377.016.368	2.680.821.967	7.591.931.790	3.743.597.738
3	XN cấp nước Lao Bảo	4.742.679.393	3.674.566.826	8.851.877.154	5.128.225.424
4	XN cấp nước Hồ Xá - Xí Nghiệp Vĩnh Linh	4.491.547.989	3.091.965.624	6.923.288.155	2.979.932.920
5	XN cấp nước Khe Sanh	633.208.000	464.512.401	1.310.265.363	824.319.970
6	XN cấp nước Gio Linh	2.992.914.165	2.690.023.949	2.992.914.165	2.317.747.698
7	XN Xây lắp và GCKK Đông Hà	426.850.708	316.211.032	1.075.750.000	623.935.000
8	XN cấp nước Hải Lăng	4.557.288.806	3.629.879.080	5.685.643.859	2.870.740.824
9	XN KD nước sạch Đông Hà	241.236.539	173.690.271	321.160.000	179.849.600
10	XN SX nước sạch Đông Hà	1.681.080.474	598.577.053	2.457.029.782	885.739.694
11	XN cấp nước Cam Lộ	5.571.177.906	4.717.168.064	6.794.829.714	4.715.473.033
12	XN cấp nước Bến Quan	7.378.975.398	6.292.738.520	8.378.047.832	5.848.612.505
Tổng cộng		38.303.216.512	28.506.712.348	57.003.543.314	31.954.251.806

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị tại thời điểm 31/12/2014)

Từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) đến nay (30/10/2015), Công ty không có sự biến động về tài sản cố định.

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con

Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

✚ Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước và thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải. Cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động về tỷ trọng, cụ thể như sau:

Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu thuần từ năm 2012 đến 30/06/2015

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng năm 2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.743	100	71.108	100	83.812	100	51.428	100
Doanh thu nước sạch	45.387	63,26	55.403	77,91	63.559	75,84	32.254	62,72
Doanh thu xây lắp	26.002	36,24	15.487	21,78	20.093	23,97	19.089	37,12
Doanh thu khác	353	0,49	218	0,31	160	0,19	47	0,09
Lợi nhuận gộp	17.674	24,64	18.978	26,69	20.953	25	10.850	20,71

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013,2014 và BCTC tự lập 30/6/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.)

Doanh thu của Công ty có xu hướng tăng trưởng qua các năm, năm 2012 Tổng Doanh thu đạt 73.504 triệu đồng, năm 2013 đạt 72.272 triệu đồng giảm nhẹ so với năm 1,68% so với năm 2012. Năm 2014 Tổng Doanh thu đạt 85.855 triệu đồng, tăng 18,79% so với năm 2012. 6 tháng đầu năm 2015 Tổng Doanh thu đạt 52.762 triệu đồng, bằng 61,41% so với thực hiện cả năm 2014. Doanh thu nước sạch chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty, chiếm bình quân trên 69,93% Doanh thu thuần của Công ty. Doanh thu xây lắp chiếm bình quân 29,78% Doanh thu thuần. Doanh thu khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong Doanh thu thuần.

✚ Nguyên vật liệu

– Hoạt động cấp nước sạch: Với hoạt động chính là cung cấp nước nên nguồn nguyên liệu chính là nước mặt khai thác từ sông tự nhiên. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu khác như điện hóa, phèn, vôi, clo và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng cung cấp nước sạch cho người dân. Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác từ tự nhiên nên nhìn chung

nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào là tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như nồng độ các chất trong nước cần phải xử lý, cũng như tình hình khí hậu hàng năm (mùa khô, mùa lũ,...) sẽ ảnh hưởng tới lưu lượng nước sông.

– Hoạt động xây lắp: nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là, đường ống, các phụ kiện, xi măng, sắt thép, đá xây dựng,...

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Trong khi khung giá nước sạch bán cho người dân trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh Quảng Trị quản lý và phê duyệt. Trường hợp chi phí nguyên vật liệu tăng mà UBND tỉnh Quảng Trị chưa kịp thời điều chỉnh giá bán nước tương ứng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng đáng kể.

✚ Cơ cấu chi phí

❖ Chi phí sản xuất

Bảng số 10: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của công ty từ năm 2012 đến 30/6/2015

Đơn vị: đồng

Năm	Ngành sản xuất	Chi phí NVL trực tiếp	Chi phí Nhân công trực tiếp	Chi phí sản xuất chung	Tổng cộng
2012	Sản xuất nước	7.795.443.241	8.413.141.200	14.072.411.805	30.280.996.246
	Sản xuất CN khác	12.727.066.313	8.644.938.977	2.416.279.989	23.788.285.279
	Cộng	20.522.509.554	17.058.080.177	16.488.691.794	54.069.281.525
	<i>Chi phí/GVHB (%)</i>	<i>37,96%</i>	<i>31,55%</i>	<i>30,50%</i>	<i>37,96%</i>
2013	Sản xuất nước	8.966.614.946	12.601.183.500	16.970.000.349	38.537.798.795
	Sản xuất CN khác	6.675.716.313	5.359.562.197	1.815.422.038	13.850.700.548
	Cộng	15.384.387.558	17.960.745.697	18.785.422.387	52.130.555.484
	<i>Chi phí/GVHB (%)</i>	<i>29,51%</i>	<i>34,45%</i>	<i>36,04%</i>	<i>29,51%</i>
2014	Sản xuất nước	9.634.226.224	14.707.065.900	20.571.753.629	44.913.045.753
	Sản xuất CN khác	7.697.791.734	8.235.133.189	2.147.425.312	18.080.350.235
	Cộng	17.332.017.958	22.942.199.089	22.719.178.941	62.993.395.988
	<i>Chi phí/GVHB (%)</i>	<i>27,51%</i>	<i>36,42%</i>	<i>36,07%</i>	<i>27,51%</i>
6T/ 2015	Sản xuất nước	5.573.048.529	8.204.713.300	11.090.231.490	24.867.993.319
	Sản xuất CN khác	8.273.970.707	7.263.208.063	1.134.319.908	16.671.498.678
	Cộng	13.847.019.236	15.467.921.363	12.224.551.398	41.539.491.997
	<i>Chi phí/GVHB (%)</i>	<i>33,33%</i>	<i>37,24%</i>	<i>29,43%</i>	<i>33,33%</i>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập 30/6/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu, chi phí tiền lương, tiền công, chi phí máy, chi phí khấu hao ... cho hoạt động sản xuất nước và hoạt động sản

xuất Công nghiệp khác. Trong đó, chi phí từ hoạt động sản xuất nước chiếm tỷ trọng lớn trong Giá vốn hàng bán, chiếm bình quân trên 65%, trong đó, chủ yếu chi phí khấu hao tài sản cố định là các thiết bị đường ống dẫn nước phục vụ cho hoạt động cung cấp nước. Chi phí từ hoạt động sản xuất nước có xu hướng tăng qua các năm, từ 30.280 triệu đồng năm 2012, tăng lên 44.913 triệu đồng năm 2014, 6 tháng năm 2015, chi phí hoạt động sản xuất nước đạt 24.868 triệu đồng đạt 55,37% so với tổng chi phí sản xuất nước năm 2014.

❖ **Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty**

Đơn vị: đồng

Cơ cấu chi phí hoạt động	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6T/2015	
	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ trọng/ Tổng Chi phí (%)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ trọng/ Tổng Chi phí (%)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ trọng/ Tổng Chi phí (%)	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ trọng/ Tổng Chi phí (%)
Giá vốn hàng bán	54.069.282	75,38	52.130.556	73,98	62.993.396	75,85	41.539.492	81,84
Chi phí bán hàng	4.951.944	6,90	5.691.904	8,08	6.100.525	7,35	2.974.191	5,86
Chi phí QLDN	8.553.237	11,93	8.310.500	11,79	10.034.217	12,08	4.328.092	8,53
Chi phí trả lãi vay ODA	4.150.018	5,79	4.078.986	5,79	3.922.793	4,72	1.915.180	3,77
Chi phí khác	858.579	1,20	37.962	0,05	716.635	0,86	1.363.365	2,69
Tổng cộng	71.724.480	100	70.469.889	100	83.050.930	100	50.756.954	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC tự lập 30/6/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

Năm 2012-2014, Tổng Chi phí có xu hướng tăng qua các năm từ 71.724 triệu đồng năm 2011 tăng lên mức 83.051 triệu đồng năm 2014, 6 tháng đầu năm 2015, tổng chi phí đạt 50.757 triệu đồng, chiếm 61,12% tổng chi phí năm 2014. Giá vốn hàng bán chiếm chủ yếu trong tổng chi phí, đạt bình quân 75%/tổng chi phí.

✚ **Trình độ công nghệ**

Để phục vụ cho quá trình cấp nước được diễn ra liên tục và không bị ngắt quãng, Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị quản lý tiên tiến, hệ thống nhà máy cấp nước, tuyến ống dẫn nước...phù hợp với nhu cầu cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Ngoài ra, hệ thống truyền dẫn cũng luôn được Công ty chú trọng bảo dưỡng, cải tạo giúp giảm tỷ lệ thất thoát nước. Những điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

✚ **Hệ thống quản lý chất lượng**

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty đã xây dựng các phòng thí nghiệm để kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch. Phòng Kiểm định đồng hồ để kiểm tra kiểm định đồng hồ đo đếm nước sạch của Công ty theo đúng tiêu chuẩn đo lường.

Trong tình hình mới, việc chuẩn hoá quy trình công việc trong công ty là yêu cầu hết sức cần thiết. Để CBCNV có phương thức làm việc khoa học hơn, đáp ứng yêu cầu công việc với khối lượng ngày càng lớn, tính chất ngày càng phức tạp; Công ty đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000. Hiện nay, công ty đang duy trì áp dụng và cải tiến thường xuyên nhằm hướng đến mục tiêu hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

Hoạt động Marketing

Do đặc thù là đơn vị cung cấp các sản phẩm công ích, mục tiêu hoạt động vì cộng đồng và đặc thù vị trí địa lý của Công ty nên hoạt động Marketing của Công ty vẫn chưa được chú trọng và đẩy mạnh. Về cơ bản, Công ty vẫn chưa thành lập bộ phận chuyên về mảng Marketing, nghiên cứu thị trường. Vì vậy, hoạt động giới thiệu sản phẩm, quảng bá chất lượng dịch vụ của Công ty còn bó hẹp trong một phạm vi nhất định, Công ty thực hiện giới thiệu các hoạt động, sản phẩm cung cấp tới các khách hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo Công ty sử dụng hiện nay:



Các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng số 11: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay

T T	Tên Hợp đồng	Dịch vụ cung cấp	Tổng giá trị HĐ (1.000đ)	Thời hạn Hợp đồng	Khách hàng
1	Tổ chức lập phương án và di dời hệ thống cấp nước để giải phóng mặt bằng dự án thoát nước, thu gom và xử lý nước thải TP Đông Hà	Di dời hệ thống cấp nước để phục vụ thi công dự án thoát nước	9.390.796	Theo tiến độ chung của gói thầu	BQLDA thoát nước, thu gom và xử lý nước thải TP Đông Hà
2	Gói thầu số 3, Xây lắp, bao gồm các hạng mục xây lắp và thiết bị của hệ thống cung cấp nước sạch	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Trúc Lâm, Kỳ Lâm, Kỳ Trúc, xã Gio Quang, huyện Gio Linh	5.190.614	145 ngày, kể từ ngày 21/10/2015	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

**10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi
cổ phần hóa**

Bảng số 12: Tình hình nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/06/2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2014	30/06/2015
I	Nợ ngắn hạn	24.729.028.442	23.401.915.902
1	Vay nợ ngắn hạn	3.081.076.000	-
2	Phải trả người bán	4.805.237.691	858.970.701
3	Người mua trả tiền trước	2.331.941.713	2.839.904.893
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	211.672.501	290.766.771
5	Phải trả người lao động	6.688.733.560	9.983.188.869
6	Chi phí phải trả	-	1.323.628.137
7	Phải trả nội bộ	-	67.781.168
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.348.972.002	5.765.890.488
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.261.394.975	2.271.784.875
II	Nợ dài hạn	57.331.003.105	58.871.541.105
1	Vay và nợ dài hạn	56.999.887.632	58.540.425.632
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	331.115.473	331.115.473
	Tổng cộng	82.060.031.547	82.273.457.007

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC tự lập thời điểm 30/6/2015 của Công ty TNHH MTV
Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)*

() Là khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á theo Hiệp định vay số 1514 VIE (SF) ký kết ngày 11/06/1997 và phụ lục sửa đổi Hiệp định vay ký ngày 28/08/1997 về khoản vay giữa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á. Nợ phải trả năm 2015 cho khoản vay này là 3.081.076.000 đồng.*

Bảng số 13: Tình hình trích lập quỹ tính đến thời điểm 31/12/2014 và 30/06/2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	30/06/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	683.169.696	269.231.796
2	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	331.115.473	331.115.473
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.261.394.975	2.271.784.875
4	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	642.025.108
---	-----------------------------------	---	-------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC tự lập thời điểm 30/06/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng năm 2015
Tổng giá trị tài sản	Đồng	224.465.999.031	223.167.070.246	224.911.009.158	225.282.892.852
Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	Đồng	50.000.000.000	141.359.689.240	141.359.689.240	141.359.689.240
Nợ vay ngắn hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	3.081.076.000	3.081.076.000	3.081.076.000	-
Nợ vay dài hạn <i>Trong đó, nợ quá hạn</i>	Đồng	63.162.039.632	60.080.963.632	56.999.887.632	58.580.425.632
Nợ phải thu khó đòi	Đồng	-	-	-	-
Tổng số lao động	Người	323	317	314	312
Tổng quỹ lương	Đồng	23.271.303.140	25.078.047.920	33.144.000.000	19.312.840.674
Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng/ng/tháng	5.442.915	5.829.511	7.835.679	5.442.915
Tổng Doanh thu	Đồng	73.503.007.918	71.930.026.208	85.997.642.067	52.762.640.257
Tổng chi phí	Đồng	72.015.127.171	70.507.848.670	83.776.120.988	52.120.317.901
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.487.880.611	1.422.177.538	2.221.521.079	642.322.356
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.115.910.486	1.066.633.153	1.709.625.615	501.012.296
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	%	2,23	0,75	1,21	0,35

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Thuận lợi

- Công ty được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban ngành của tỉnh và chính quyền địa phương các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Công ty.
- Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết, trách nhiệm với công việc.
- Đội ngũ CBCNV Công ty có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm công tác, luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, với Công ty.

- Nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ chuyên ngành, các sản phẩm hoạt động mang tính công ích ngày càng được nâng cao, cải thiện. Do vậy, Công ty ngày càng nhận được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo, sự hài lòng, ủng hộ của khách hàng.
- Hệ thống quản lý hóa đơn và các tài khoản phải thu đảm bảo quản lý tốt khách hàng và các khoản thu của Công ty.
- Mô hình quản lý cấp nước theo địa bàn là một trong những mô hình tiên tiến đã được Công ty áp dụng trong nhiều năm qua mang lại hiệu quả cao.
- Quan hệ hợp tác quốc tế với các nước và các tổ chức, hiệp hội khác từ những năm qua đã giúp Công ty tích lũy được nhiều kinh nghiệm và đã phát huy tốt trong lĩnh vực quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

✚ Khó khăn

- Trong giai đoạn này, nền kinh tế xã hội nói chung còn nhiều khó khăn bởi ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu, các mặt hàng đầu vào cho sản xuất nước tăng, việc thắt chặt đầu tư của Chính phủ đã ảnh hưởng không nhỏ đến đầu tư và phát triển của Công ty, tỷ trọng dùng nước của các khu vực sản xuất, kinh doanh dịch vụ giảm dần. Khu vực kinh tế công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển mạnh, dịch vụ cấp nước chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân. Dịch vụ cấp nước ở khu vực nội thị tương đối bão hòa, phát triển cấp nước ngày càng mở rộng chủ yếu ở vùng ven, vùng nông thôn, đời sống nhân dân còn khó khăn, mức độ dùng nước thấp và các chi phí dịch vụ cao. Công ty hiện đang tiếp tục trả nợ theo lộ trình vay vốn ADB.
- Mạng đường ống cấp nước đã được đầu tư từ xây dựng từ nhiều năm trước, qua nhiều giai đoạn với nhiều loại vật liệu khác nhau thiếu đồng bộ, bên cạnh đó tốc độ phát triển, chỉnh trang đô thị, cải tạo, nâng cấp đường giao thông cũng là một trong những nguyên nhân gây rò rỉ, thất thoát nước tỷ lệ cao, đồng thời gián đoạn thời gian sử dụng nước của khách hàng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ nước máy.
- Tình hình biến đổi khí hậu thời tiết, bão lũ hàng năm ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống cấp nước của Công ty.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

✚ Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị là Công ty duy nhất được tỉnh Quảng Trị giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của tỉnh. Cũng do tính độc quyền cao và đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho Công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Ban lãnh đạo Công ty có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn và quản lý, quản trị, hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ.
- Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

✚ Triển vọng phát triển ngành

Căn cứ vào định hướng phát triển hệ thống cấp nước của tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015; Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị phê duyệt cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nhu cầu nước sạch rất cao, đây là thuận lợi rất lớn đối với Công ty về khối lượng công việc dành cho CBCNV trong tương lai. Mặt khác, Tỉnh Quảng Trị đang trong quá trình đổi mới một cách mạnh mẽ. Do vậy Công ty được hòa nhịp với sự phát triển chung của tỉnh.

Để có thể hoàn thành được mục tiêu Chính phủ đề ra cho hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Công ty cũng phải tập trung hơn nữa công tác hoàn thiện bộ máy, nâng cao trình độ công nghệ để phát triển hệ thống cấp nước đô thị, đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cấp nước nói chung và Công ty nói riêng phát triển trong tương lai.

✚ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển và hoạt động theo đúng mục tiêu và định hướng của ngành cấp nước, cũng như chỉ đạo của các cấp quản lý.

Cùng với việc khẳng định nâng cao uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty trong ngành, kế hoạch phát triển của công ty giai đoạn 2015 - 2025 và tầm nhìn 2030 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị - là định hướng phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh Quảng Trị cũng như triển vọng phát triển ngành trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, thay đổi tổ chức quản lý điều hành và phương thức quản trị, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn và các hình thức huy động vốn đa dạng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.

Quá trình cổ phần hóa kết hợp với việc sắp xếp lại và đổi mới phương thức quản lý trên các lĩnh vực hoạt động nhằm tạo ra sự chuyên môn hóa trong quá trình sản xuất.

Nâng cao trình độ công nghệ; nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh tạo ra tiền đề phát triển bền vững ngành cấp nước của Công ty sau cổ phần hóa.

2. Điều kiện cổ phần hóa

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị trong các năm từ 2012-30/6/2015, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị có đủ điều kiện để tiến hành cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị là đơn vị nhà nước không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
- Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị luôn hoàn

thành các nhiệm vụ của cấp trên giao, đảm bảo kinh doanh có lãi, ổn định và từng bước nâng cao chất lượng đời sống Cán bộ Công nhân viên.

– Ban Lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên.

– Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **“Bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại Doanh nghiệp”**.

4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là **261.652.309.055** đồng

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là **82.060.031.547** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là **179.592.277.508** đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi chín tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm linh tám đồng*).

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.
 - Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty.
 - Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.
- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến : **179.592.270.000 đồng**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**
- Tổng số cổ phần : **17.959.227 cổ phần**

❖ Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt

- Số vốn nhà nước cần bán bớt được xác định bằng (=) Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp trừ đi(-)Giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần tương ứng 64,50% vốn điều lệ.
- Số vốn Nhà nước cần bán bớt: **63.762.270.000 đồng** tương đương **6.376.227 cổ phần**
(179.592.270.000 đồng - 115.830.000.000 đồng = 63.762.270.000 đồng)

✚ Cơ cấu vốn điều lệ

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị lựa chọn xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **64,50% vốn điều lệ** tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ là **11.583.000 cổ phần** tương đương **115.830.000.000 đồng** tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng số 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	11.583.000	115.830.000.000	64,50
2	Người lao động trong Doanh nghiệp	982.400	9.824.000.000	5,47
2.1	<i>Người lao động mua theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước</i>	435.700	4.357.000.000	2,43
2.2	<i>Người lao động mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần</i>	546.700	5.467.000.000	3,04
3	Bán đấu giá công khai	5.393.827	53.938.270.000	30,03
Tổng Cộng		17.959.227	179.592.270.000	100,0

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**
- Tên tiếng Anh : **QUANG TRI CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY;**
- Tên viết tắt : **QWACO**
- Địa chỉ Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Điện thoại: (053) 3 555869 / 3 554133 Fax : (053) 3 852062
- Email : capnuocquangtri@yahoo.com.vn
- Website : www.capnuocquangtri.vn

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

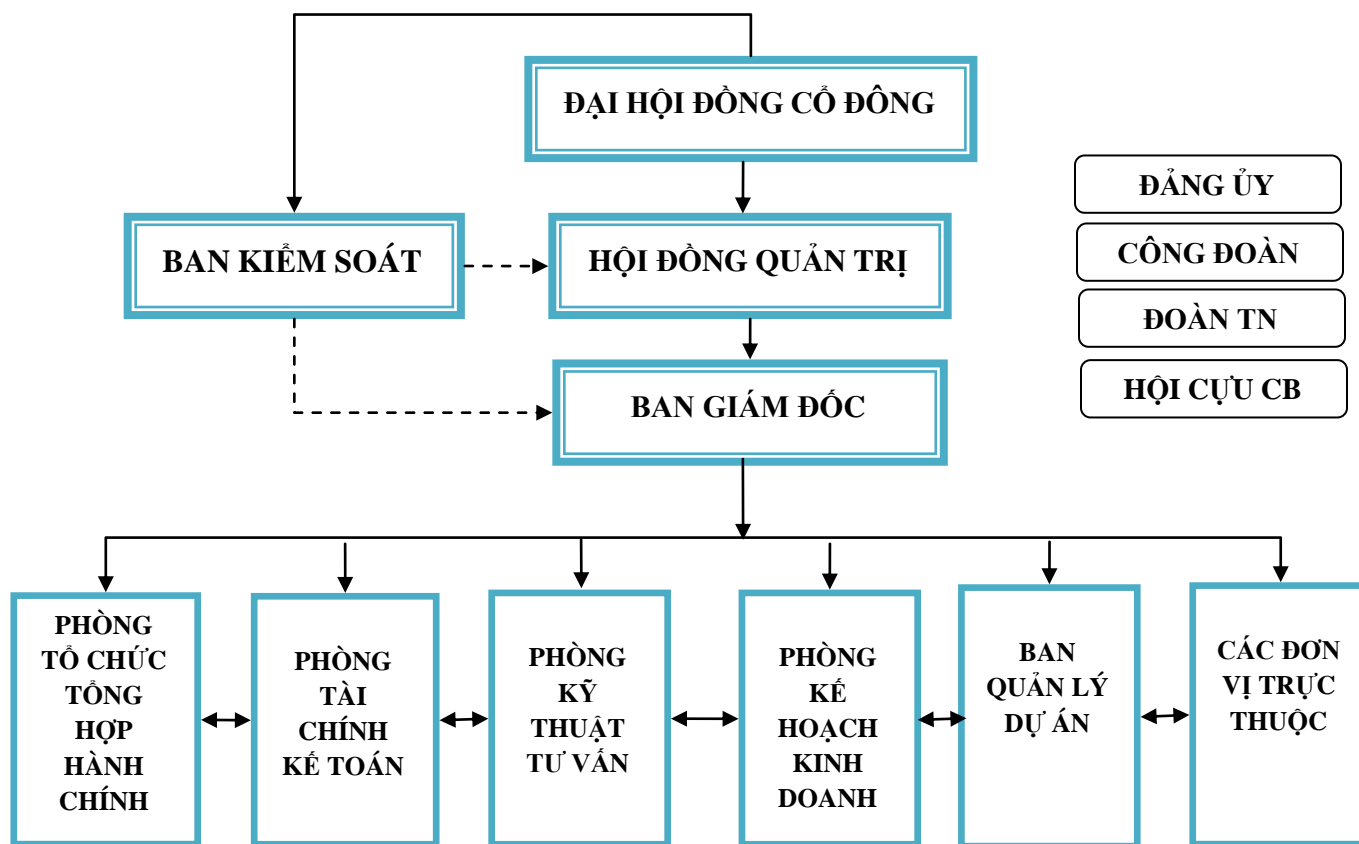
Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị kế thừa các quyền và nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị trước khi chuyển đổi, tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện nay Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị đang thực hiện, cụ thể:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Tư vấn lập dự án đầu tư, giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xây dựng.
- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải.
- Xây dựng công trình dân dụng.
- Xây dựng công trình giao thông.
- Xây dựng công trình công nghiệp.
- Kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.
- Sản xuất các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng.

- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước.

7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa



Chú thích:

Chỉ đạo trực tiếp: ———>

Chỉ đạo chức năng: - - - ->

Quan hệ phối hợp: <—>

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc: Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực

của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc.

✚ **Các phòng ban:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, trong công tác quản lý, điều hành công ty theo chức năng nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Phòng Tổ chức hành chính tổng hợp.
- Phòng Tài chính kế toán.
- Phòng Kế hoạch Kinh doanh
- Phòng Kỹ thuật tư vấn.
- Ban Quản lý dự án

✚ **Các đơn vị trực thuộc (10 Xí nghiệp):** Hạch toán phụ thuộc Công ty, hoạt động theo sự phân cấp và ủy quyền của Công ty. Có con dấu riêng theo quy định của Pháp luật.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu phát triển sản xuất

– Đảm bảo phát triển bền vững, kết hợp hiệu quả giữa phát triển chiều rộng với chiều sâu, hoàn thành dự án ADB kết hợp đẩy mạnh công tác phát triển mạng cấp nước về các vùng ven, vùng nông thôn để tăng sản lượng khai thác.

– Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

– Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

– Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Công ty tập trung nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới mang lại hiệu quả kinh tế cao.

– Ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ trong công tác vận hành, quản lý nhằm giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước.

– Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua công tác cổ phần hóa, xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý điều hành.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2018

Các chỉ tiêu cơ bản được xây dựng trên cơ sở kết quả các năm từ (2012 – 30/6/2015) đạt được. Tăng trưởng nước máy bình quân 8%/năm. Xây dựng cơ bản và lắp đặt công nghiệp tăng 12%/năm. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 8-10%. Cụ thể các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch phát triển 3 năm 2016-2018 cụ thể như sau:

Bảng số 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2016 -2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng Giá trị thực hiện	1.000 đồng	115.711.200	126.468.000	136.585.440

	<i>Giá trị nước máy</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>89.100.000</i>	<i>96.228.000</i>	<i>103.926.240</i>
	<i>XDCB+LDCN</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>26.611.200</i>	<i>30.240.000</i>	<i>32.659.200</i>
2	Nước máy hàng hóa	m ³	11.880.000	12.830.400	13.856.832
3	Tỷ lệ thất thoát	%	28	26	24
4	Vốn điều lệ	1.000 đồng	179.592.270	179.592.270	179.592.270
5	Doanh thu	1.000 đồng	109.049.143	119.136.623	128.667.553
	<i>Giá trị nước máy</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>84.857.143</i>	<i>91.645.714</i>	<i>98.977.371</i>
	<i>XDCB+LDCN</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>24.192.000</i>	<i>27.490.909</i>	<i>29.690.182</i>
6	Tổng Chi phí	1.000 đồng	103.596.685	111.988.425	120.304.162
7	LN trước thuế	1.000 đồng	5.452.458	7.148.198	8.363.391
8	Thuế TNDN	1.000 đồng	1.090.492	1.429.640	1.672.678
9	LN sau thuế	1.000 đồng	4.361.966	5.718.558	6.690.713
	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>436.197</i>	<i>571.856</i>	<i>669.071</i>
	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển 10%</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>436.197</i>	<i>571.856</i>	<i>669.071</i>
	<i>Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ 5%</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>218.099</i>	<i>285.928</i>	<i>334.536</i>
	<i>Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức</i>	<i>1.000 đồng</i>	<i>3.271.473</i>	<i>4.288.918</i>	<i>5.018.035</i>
10	Tỷ suất LNST/VĐL	%	2,4	3,2	3,7
11	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	1,8	2,3	2,5
12	Tổng quỹ lương	1.000 đồng	27.758.232	33.309.878	34.975.372
13	Lao động bình quân	Người	277	301	301
14	Thu nhập bình quân của người lao động	1.000 đồng/t	8.351	9.222	9.683

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị)

3. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020

– Đưa hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 xây dựng nhà máy cấp nước mới công suất 2.000 m³/ngày; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 xây dựng, nâng cấp nhà máy nước thị trấn Bến Quan. Là các dự án ODA không hoàn lại được tài trợ bởi Chính phủ Italia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các dự án ODA tại văn bản số 2376/TTg-QHQT ngày 02/12/2009 và đã ký kết hiệp định ngày 15/11/2012 đi vào hoạt động trong năm 2016.

– Tập trung thực hiện dự án phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 23/9/2011, giai đoạn I từ (2013-2019), phân kỳ xây dựng gồm các nội dung:

- + Xây dựng trạm xử lý Quạt Xá, công suất 30.000 m³/ngày gồm công trình thu, trạm xử lý và mạng lưới đường ống cấp 1 dài 18,88 km, đường kính ống D400-D800.
- + Cải tạo nhà máy nước Tân Lương trạm bơm Vĩnh Phước, xây dựng bể lắng, bể lọc công suất 10.000 m³/ngày và bể chứa 3.000 m³.
- + Nâng cấp nhà máy nước Thị xã Quảng Trị gồm công trình thu Hồ Trám, công suất 13.500 m³/ngày và bể chứa dung tích 3.000 m³; cải tạo nhà hóa chất; cải tạo 25,24 km đường ống D110-D300.

– Triển khai dự án khai thác nước Thác Ô Ô xã Tân Long, huyện Hướng Hóa bổ sung cấp nước cho nhà máy nước Lao Bảo. Năm 2015-2016 chuẩn bị đầu tư và xây dựng, năm 2017 đưa vào hoạt động.

– Đầu tư, sửa chữa, cải tạo mạng lưới đường ống, động cơ, thiết bị trạm bơm từ nguồn vốn khấu hao hàng năm nhằm ổn định, nâng cao năng lực cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát.

– Nâng cao năng lực ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, quản lý cấp nước. Đưa ứng dụng công nghệ theo dõi áp lực và lưu lượng trực tuyến trên mạng cấp nước (SCADA) áp dụng tại tất cả các đơn vị.

– Lập dự án khai thác bổ sung nguồn nước cung cấp cho nhà máy nước Hồ Xá, nhà máy nước Khe Sanh do nguồn nước đang xuống thấp, không đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trên các địa bàn.

4. Chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

Căn cứ vào định hướng phát triển hệ thống cấp nước của tỉnh Quảng Trị, Công ty tiếp tục tập trung khai thác sản xuất và cung cấp nước sạch, đầu tư xây dựng các công trình cấp nước đáp ứng nhu cầu của thị trường về sản phẩm nước sạch, phát triển và tiến tới đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, đa dạng hoá các hình thức đầu tư để đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Công ty tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

– Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng các nhà máy nước, hệ thống ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch của tỉnh. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

– Thực hiện kế hoạch chống thất thoát theo vùng, tuyến ống, phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2020 xuống dưới 20%. Ưu tiên các dự án chống thất thoát thất thu nước sạch nhằm nâng cao năng lực vận hành hệ thống cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

– Thực hiện xã hội hoá trong đầu tư, trong hoạt động cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước để đầu tư mới nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước; nâng độ phủ cấp nước đô thị đạt tỷ lệ 100%.

– Nâng cao năng lực, nâng cao công suất cấp nước, chú trọng đến công tác quản lý chất lượng nước. Cung cấp sản phẩm nước sạch đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 và hướng đến mục tiêu hệ

thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, xây dựng và hoàn thiện các quy chế nội bộ; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; có chính sách thu hút các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ nghiệp vụ quản lý kinh tế khá, giỏi về làm việc tại Công ty.

– Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ, đưa đến khách hàng các dịch vụ phục vụ tốt nhất, thực hiện chiến lược "Coi trọng khách hàng" để tồn tại và phát triển bền vững

5. Biện pháp thực hiện

✚ Phương án tài chính.

Căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2018 về tăng trưởng sản xuất, chiến lược đầu tư xây dựng cơ bản, dự kiến kế hoạch vay vốn và trả nợ các dự án, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị xây dựng phương án tài chính của Công ty với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Bảng số 17: Phương án tài chính sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến năm 2016	Dự kiến năm 2017	Dự kiến năm 2018
A	Tài sản	Triệu đồng	261.652	268.771	276.544
I	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	59.641	56.659	53.826
II	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	202.011	212.112	222.718
B	Nguồn vốn	Triệu đồng	261.652	268.771	276.544
I	Nợ phải trả	Triệu đồng	82.060	80.199	78.544
II	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	179.592	188.572	198.000
C	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,46	0,43	0,40

✚ Những biện pháp kỹ thuật.

– Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.

– Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng nhà máy nước, ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ mới để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh.

– Lập phương án đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước và khách hàng.

✚ Những biện pháp về quản lý.

– Để đạt được mục tiêu vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh theo cơ chế thị trường, trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước và công tác ghi thu.

– Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác ghi và thu có

hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên trong công ty. Nhân viên ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

– Tiến hành lắp đặt ngay đồng hồ đo lưu lượng nước phát vào mạng đối với những tuyến chưa được lắp đặt của từng xí nghiệp, các xí nghiệp phải có trách nhiệm phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát thất thu trên địa bàn của mình.

– Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm.

– Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

– Tiếp tục hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công nhân viên làm việc có hiệu quả và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty

– Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các đầu máy sọt, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đầu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số hộ khách hàng dùng nước.

– Tăng cường công tác kiểm soát, chống thất thoát trên các tuyến vùng, tăng khả năng kiểm soát các chỉ tiêu sản xuất của các xí nghiệp và các nhà máy tránh tình trạng báo cáo không trung thực làm tăng tỷ lệ thất thoát, thất thu.

Duy trì và mở rộng thị trường của Công ty.

– Để đảm bảo tiến hành kinh doanh có hiệu quả thì trong thời gian tới Công ty phải quan tâm nghiên cứu mở rộng thị trường. Đảm bảo sản phẩm sản xuất ra phải đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

– Trên cơ sở duy trì và giữ vững được thị trường hiện tại của mình và mở rộng thị trường tiêu thụ nước sạch trên địa bàn toàn tỉnh, quan tâm cấp nước đến những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

– Trong nghiên cứu thị trường, Công ty cần phải tổ chức thực hiện công tác điều tra khảo sát và thu thập các thông tin về nhu cầu nước sạch vào các mùa trong năm. Sau khi tiến hành phân tích và xử lý các thông tin đã thu thập được rồi xác định lượng cầu của thị trường căn cứ vào kết quả của công tác phân tích và xử lý ở trên. Công ty dựa vào kết quả này để ra quyết định hợp lý trong việc sản xuất và cung ứng nước sạch.

– Công ty cần xác lập các mối quan hệ với khách hàng nhằm tăng uy tín của Công ty trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường. Các Phòng ban chuyên môn kết hợp các Xí nghiệp cần làm công tác nghiên cứu, phân tích thị trường, lập kế hoạch nhu cầu thị trường, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty.

Tăng cường công tác quản lý và đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động.

– Lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chính vì vậy

nâng cao trình độ đội ngũ lao động, đào tạo cán bộ quản lý là một việc rất cần thiết để tạo hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Công ty phải thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, đóng góp ý kiến, kích thích tinh thần nhằm làm cho người lao động được thỏa mãn.
- Đối với đội ngũ cán bộ quản trị, cần phải trang bị hay trang bị lại những kiến thức kinh doanh hiện đại tạo điều kiện cho các cán bộ này tham gia vào các khoá đào tạo bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm để làm chủ được các yếu tố bên ngoài của thị trường, hạn chế lãng phí tổn thất do không hiểu biết gây ra.
- Kết hợp đào tạo và tuyển dụng lao động để hình thành một cơ cấu lao động tối ưu, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực sở trường của mỗi người, xác định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ. Giảm bớt lượng lao động dư thừa không có năng lực, năng suất hiệu quả thấp.
- Công ty sẽ tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra quyết định nhanh chóng và chính xác.
- Để tạo động lực cho tập thể và cá nhân người lao động, Công ty có biện pháp khuyến khích người lao động như: Phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cân bằng hợp lý thưởng phạt công minh. Đặc biệt là có chế độ đãi ngộ đối với những người giỏi, trình độ tay nghề cao hay những người có những sáng kiến đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) từ năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng tích cực nhờ các chính sách kinh tế thế giới và việc mở rộng giao lưu và hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội hợp tác, phát triển, Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như sự biến động của nền kinh tế thế giới, năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước.

Năm 2015, Tình hình kinh tế được đánh giá khả quan, tỷ lệ tăng trưởng GDP dự kiến đạt trên 6% so với năm 2014. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, nhu cầu sử dụng nước sạch rất cao, đây là thuận lợi rất lớn đối với Công ty về khối lượng công việc dành cho CBCNV trong tương lai. Tỉnh Quảng Trị đang trong quá trình đổi mới một cách mạnh mẽ. Do vậy Công ty được hòa nhịp với sự phát triển chung của tỉnh, tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong tương lai.

2. Rủi ro pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý

ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

– Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ các sông Hiếu, Đakrông, Vĩnh Phước,... Nguồn nước sông phụ thuộc vào thượng nguồn, vào sự điều tiết của các đập thủy điện thượng lưu nên không ổn định. Do đó, Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước bị thay đổi. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý và sản xuất nước sạch.

– Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Những năm gần đây, thời tiết thay đổi khá thất thường, mùa khô kéo dài, nguồn nước sạch bị nhiễm mặn, nhiễm cứng do đó ảnh hưởng đến nguồn nước thô cung cấp.

– Để ngăn ngừa các rủi ro trên, Công ty cần tập trung hơn nữa phát triển quy trình vận hành xử lý nước để đảm bảo được chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng sử dụng.

Rủi ro thất thoát nước

– Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại khoảng 28%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước).

– Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện trong ngày. Còn đối với điểm rò rỉ khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước rò rỉ. Hơn nữa, nếu chúng ta không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên.

– Hiện nay, Công ty đang ứng dụng và nghiên cứu phát triển hơn nữa các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu tình trạng thất thoát nước.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Trong giai đoạn 2014-2015, Thủ tướng Chính phủ đang đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nên nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh. Chính điều này đã tạo nên áp lực thị trường khó hấp thụ được hết số cổ phần chào bán. Mặt khác, quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phần mà mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều. Do đó, Công ty chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần. Để hạn chế rủi ro này, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã lựa chọn hình thức cổ phần hóa nhưng vẫn giữ nguyên phần vốn góp chi phối của Nhà nước. Vốn Nhà nước chiếm 65% vốn điều lệ của Công ty..

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động hiện có tại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo điều 6 và điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Theo Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2011 về việc Ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thuộc nhóm những doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần. Qua ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tỉnh và xét tình hình thực tế, do Công ty đang ở trong giai đoạn cần ổn định nguồn lực, đảm bảo cho phương án Cổ phần hóa thành công đối với một ngành kinh doanh chưa tạo được nhiều sức hút đối với các nhà đầu tư, UBND tỉnh quyết định tỉ lệ Nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần 64,50% vốn điều lệ, tương đương 11.583.000 cổ phần, chiếm 115.830.000.000 đồng tính theo mệnh giá.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011 /NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị sau khi Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt điều chỉnh.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

✚ Cổ phần người lao động mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1, điều 48, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty tại thời điểm UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt GTDN là: **312** người;
- Tổng số lao động được mua cổ phần theo thâm niên làm việc trong Khu vực Nhà nước là: **312** người.
- Tổng số cổ phần người lao động được mua theo quy định của hình thức trên là **435.700** cổ phần với tổng mệnh giá là **4.357.000.000** đồng chiếm **2,43%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần.
- Giá mua: bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

✚ Cổ phần người lao động mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần với

mức giá bằng giá đấu giá thành công thấp nhất.

Theo quy định tại Khoản 2c, Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số cổ phần lao động mua cam kết là **546.700** cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là **5.467.000.000 đồng**, chiếm **3,04%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Giá mua bằng 100% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Như vậy, số cổ phần bán cho người lao động trong Công ty là **982.400** cổ phần tương ứng với **9.824.000.000** đồng tính theo mệnh giá, chiếm **5,47%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Thời điểm bán cổ phần cho Người lao động: Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai.

4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổ chức bán đấu giá **5.393.827** cổ phần với tổng mệnh giá là **53.938.270.000 đồng** chiếm 30,03% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần** (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần*)
- Địa điểm tổ chức bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 2 đường Phan Chu Chinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Thời gian và địa điểm nộp đơn và tiền đặt cọc: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

5. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các Nhà đầu tư mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.
- Người lao động: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III, Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	(1)			179.592.277.508
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước làm tròn	(2)			179.592.270.000
Vốn điều lệ Công ty cổ phần				179.592.270.000
Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần				115.830.000.000
Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt tính theo mệnh giá				63.762.270.000
Số tiền thu được từ cổ phần hóa	(3)=(4)+(5)			62.019.470.000
Bán cho CBCNV	(4)=(a)+(b)	982.400		8.081.200.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(a)	435.700	6.000	2.614.200.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(b)	546.700	10.000	5.467.000.000
Bán đấu giá cổ phần lần đầu	(5)	5.393.827	10.000	53.938.270.000
Chi phí cổ phần hóa	(6)			500.000.000
Chi phí lao động dôi dư	(7)			2.399.193.280
Chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước và giá trị thực tế phần vốn nhà nước làm tròn	(8)			7.508
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ và phát triển Doanh nghiệp của UBND tỉnh Quảng Trị	(9)=(3)+(8) -(6)-(7)			59.120.284.228

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty

- Trưởng ban: Ông **Nguyễn Hữu Dũng** – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị.

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

Ông: **Đào Bá Hiếu** – Chủ tịch Hội đồng thành viên – Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người đại diện : Bà **Trần Thị Thu Hương**

Chức danh : Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của Luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị.

V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của Doanh nghiệp nhà nước. Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

Quảng Trị, ngày tháng năm 2015

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**NGUYỄN TRÍ KIÊN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

ĐÀO BÁ HIẾU

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRẦN THỊ THU HƯƠNG